

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
KHOA VĂN HÓA – THÔNG TIN

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Loại hình đào tạo: Chính quy
Mã ngành : 8319042**

Thanh Hóa, năm 2018

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 645b/QĐ-ĐVTDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo
chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 1221/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 800/ĐVTDTT ngày 10/11/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Điều 2: Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ được áp dụng cho các khóa tuyển sinh, bắt đầu từ năm 2019.

Điều 3: Các đơn vị phòng Đào tạo Sau đại học, phòng Thanh tra, phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục, Khoa Văn hóa thông tin, giảng viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Lê Thanh Hà

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 8 năm 2018

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 645b/QĐ-ĐVTDT ngày 13 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

Ngành/chuyên ngành: Quản lý Văn hóa

Trình độ: Thạc sĩ

Mã số: 8319042

1. Thông tin chung về CTĐT

Trường cấp bằng tốt nghiệp	: Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
Tên gọi của văn bằng	: Thạc sĩ Quản lý Văn hóa
Tên CTĐT	: Quản lý Văn hóa
Hình thức đào tạo	: Thạc sĩ
Thời gian đào tạo	: 2 năm
Đối tượng tuyển sinh	Theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014. <i>*Về văn bằng và ngành học</i> - Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi trình độ Thạc sĩ. Ngành đúng: Ngành Quản lý Văn hóa Ngành gần/chuyên ngành gần: Văn hóa học; Văn hóa quần chúng, Văn hóa dân tộc thiểu số; Lý luận và lịch sử Mỹ thuật; Việt Nam học; Sáng tác văn học; Bảo tàng học, Kinh doanh xuất bản phẩm; Triết học; Lịch sử; Ngôn ngữ học; Văn học; Đông phương học; Quản lý thể dục thể thao.... - Đối với các thí sinh ngành khác căn cứ trên thực tiễn hồ sơ đăng ký và phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. <i>*Về thâm niên công tác</i> Người có bằng tốt nghiệp Đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp; Những trường hợp còn lại phải có ít nhất 01 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực Văn hóa kể từ khi tốt nghiệp Đại học. <i>*Về sức khỏe:</i> Có đủ sức khỏe để học tập và làm việc theo quy định hiện hành. <i>*Hồ sơ dự tuyển:</i> Có đầy đủ các hồ sơ, thủ tục theo quy định

	của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trong Thông báo tuyển sinh.
Điều kiện tốt nghiệp	Những học viên đã tích lũy đủ số học phần của chương trình đào tạo, bảo vệ thành công luận văn điểm đạt 5,5 trở lên thì được xét công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Văn hóa.
Vị trí việc làm	- Học viên tốt nghiệp ngành Quản lý Văn hóa, có thể công tác tại Sở và Phòng Văn hóa - Thể thao - Du lịch, các Trung tâm Văn hóa, Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, các cơ quan thuộc các Bộ văn hóa, các bộ ngành có tổ chức hoạt động văn hóa, văn hóa nghệ thuật nghệ thuật. - Học viên sau khi ra trường có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công tác tại các tổ chức, cơ quan chuyên trách văn hóa thuộc khu vực nhà nước, tư nhân hay các tổ chức, cơ quan văn hoá, giáo dục có yếu tố nước ngoài. - Thực hiện công tác tham mưu, quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động văn hóa, đời sống văn hóa. - Nghiên cứu và bảo vệ văn hóa tại các trung tâm nghiên cứu khoa học và các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa. - Giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, các trường nghiệp vụ về văn hoá - thông tin, chính trị - hành chính, các trường nghiệp vụ của các tổ chức xã hội (thanh niên, công đoàn). - Quản lý nghiệp vụ tại các tổ chức, cơ quan thuộc ngành văn hoá - thông tin - du lịch (Sở VH,TT&DL các tỉnh; phòng VH,TT&DL các huyện Trung tâm văn hóa; UBND các xã; Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, các cơ quan chuyên trách nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch). - Làm việc trong các công ty, tổ chức có hoạt động kinh doanh, dịch vụ văn hóa: công ty tổ chức sự kiện, công ty truyền thông, du lịch, các đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật, các điểm vui chơi, giải trí, bộ phận marketing và quan hệ công chúng của các tổ chức, doanh nghiệp. - Hoặc làm việc như những nhân viên độc lập (freelancer) cho các chương trình, sự kiện, hay dự án văn hóa nghệ thuật. - Kinh doanh độc lập dịch vụ văn hóa, chương trình, sự kiện, dự án văn hóa
Học tập nâng cao trình độ	Có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường: khả năng tự nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng; khả năng tiếp tục học tập nâng cao lên trình độ Tiến sĩ.

Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	08/2018
-----------------------------------	---------

2. Mục tiêu đào tạo

2.1.Mục tiêu chung

CTĐT ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ nhằm mục tiêu giúp người học nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về văn hóa-nghệ thuật; Có tư duy khoa học và năng lực hoạt động của một nhà quản lý, xây dựng đề án chiến lược về văn hóa trong xu thế giao lưu và hội nhập quốc tế; Có năng lực nghiên cứu, tổ chức, quản lý và khả năng làm việc độc lập sáng tạo; Nắm vững các lý thuyết về văn hóa-nghệ thuật; phương pháp nghiên cứu và ứng dụng vào công tác quản lý chuyên ngành;Nắm vững các vấn đề quản lý các thiết chế văn hóa, quản lý di sản văn hóa, quản lý các tổ chức văn hóa-nghệ thuật trên những điều kiện thực tế.

2.2.Mục tiêu cụ thể

**Kiến thức*

M1. Quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa Việt Nam;

M2. Những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Nhà nước về văn hóa; về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa bằng pháp luật trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay.

**Kỹ năng*

M3. Trang bị, bổ sung cho học viên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật;

M4. Có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về văn hóa, nghệ thuật;

M5. Có khả năng tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa-nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

M6. Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án nghiên cứu về quản lý của địa phương, đơn vị công tác;

M7. Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

**Thái độ*

M8. Có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh.

M9. Biết trân trọng giá trị văn hóa dân tộc, trân trọng giá trị của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa nghệ thuật, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

M10. Yêu nghề, say mê với các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, có tinh thần trách nhiệm và đảm bảo đạo đức nghề nghiệp.

M11. Tác phong công nghiệp hóa: khẩn trương, tích cực, năng động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

3.1.Kiến thức

** Kiến thức chung:*

C1. Người học có hiểu sâu sắc các kiến thức về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng của triết học, những nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử nói

chung và triết học Mác - Lênin nói riêng; biết vận dụng kiến thức triết học để phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội - nhân văn; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

** Kiến thức cơ sở ngành:*

C2. Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức cơ bản của các khoa học thuộc lĩnh vực xã hội & nhân văn vận dụng trong quản lý văn hóa.

C3. Vận dụng được những kiến thức liên ngành về xã hội, văn hóa, khoa học, luật pháp... trong quản lý văn hóa

** Kiến thức chuyên ngành:*

C4. Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Nhà nước về văn hóa; về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa bằng pháp luật trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay

C5. Hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau của Việt Nam và thế giới và vận dụng linh hoạt trong thực tiễn quản lý văn hóa.

3.2. Kỹ năng

C6. Trang bị, bổ sung cho học viên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật;

C7. Có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về văn hóa, nghệ thuật;

C8. Có khả năng tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa-nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

C9. Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án nghiên cứu về quản lý của địa phương, đơn vị công tác;

C10. Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

C11. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

C12. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Mục tiêu						Chuẩn đầu ra					
	Kiến thức chung	Kiến thức CSN		Kiến thức chuyên ngành		Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	C1	C2	C3	C4	C5	C7	C8	C9	C10	C11	C12
M1	1	1	2	1	2	2	3	1	1	2	2
M2	2	2	3	2	2	3	3	4	3	3	3
M3	1	2	3	3	3	4	5	3	4	5	5

M4	2	2	3	3	4	3	5	4	4	4	4
M5	1	3	1	5	4	3	4	3	5	3	3
M6	1	2	2	4	3	4	4	4	4	4	5
M7	2	1	3	3	3	4	4	4	5	5	4
M8	2	3	3	4	5	3	3	5	4	5	3
M9	2	3	3	5	5	5	5	4	4	4	5
M10	1	3	1	5	4	3	4	3	5	3	3
M11	1	2	2	4	3	4	4	4	4	4	5

***Ghi chú:** Ký hiệu M hoặc C theo số thực tế của mục tiêu và CDR của CTĐT để kê bảng

-Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2- Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo

-Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng

-Đối với năng lực tự chủ và trách nhiệm: 1- Tiếp nhận; 2-Hồi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách

5. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

5.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau.

Các phương pháp dạy học: Chương trình sử dụng đa dạng các phương pháp dạy - học sau:

- + Nhóm PP dạy - học trực tiếp (thuyết trình, thảo luận, ...);
- + Nhóm PP dạy - học kích não (bản đồ tư duy, nghiên cứu xử lý tình huống, đặt vấn đề/giải quyết vấn đề,...)
- + Nhóm PP dạy - học tương tác (đóng kịch nhập vai, mô hình ứng xử,...);
- + Nhóm PP dạy - học ứng dụng công nghệ (dạy học trực tuyến,...);
- + Nhóm PP dạy - học độc lập (tự học, kiểm tra cá nhân,...).
- + Phương pháp chuyên gia (mô hình, dự án, đề án,...)

5.2. Cách phương thức đánh giá

Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KTTX), điểm chuyên cần (CC) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo tỷ lệ: Điểm học phần = CC*10% + KTTX*20% + KTHP*70%

Điểm TBC tích lũy toàn khóa là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D mà học viên đã tích lũy được.

Công thức tính: Điểm TBC học phần*số TC của học phần/ Tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa.

6. Mô tả chương trình dạy học

6.1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số TC
1	Kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 40 TC		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành: 15 TC	Bắt buộc	11
		Tự chọn	04
2.2	Kiến thức chuyên ngành: 25 TC	Bắt buộc	19
		Tự chọn	06
2.3	Thực tập, thực tế: 06 TC		06
2.4	Luận văn TN: 10 TC		10
	Tổng số tín chỉ của CTĐT		63

6.2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần (Số TC)	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
I	Kiến thức chung			
1	QVTH501	Triết học	Học phần được kết cấu thành 11 chương, trình bày khái quát lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và lịch sử triết học Mác- Lênin; trình bày các chuyên đề triết học.	Tài liệu bắt buộc [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), <i>Giáo trình Triết học</i> (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội. [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), <i>Giáo trình Triết học Mác - Lênin</i> (dùng trong các trường Đại học, cao đẳng), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. [3] C.Mác, Ph.Ăngghen <i>Toàn tập</i>, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003. 5.2. Tài liệu tham khảo [1] Doãn Chính, <i>Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam</i>, Nxb chính trị quốc gia. [2] Dagobert.D gunes, <i>Lịch sử triết học - Từ cổ đại đến cận đại</i>, Nxb văn hóa thông tin, 2009. [3] Bùi Đăng Duy, Nguyễn Tiến Dũng, <i>Lược khảo triết học phương Tây hiện đại</i>, Nxb Chính trị quốc gia. [4] <i>Minh triết - giá trị văn hóa đang phục hưng</i>, nhiều tác giả, Nxb tri thức. [5] Bùi Văn Nam Sơn, <i>Trò chuyện triết học</i>, Nxb Tri thức [6] <i>Lịch sử triết học</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1992. [7] <i>Triết học với cuộc sống</i> (tập 1) (2004), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. [8] Nguyễn Đăng Thục, <i>Lịch sử triết học phương Đông</i>, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia. [9] Nguyễn Hữu Vui (2002), <i>Lịch sử Triết học</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. [10] V.I. Lênin <i>Toàn tập</i>, Nxb. Chính trị quốc

				gia, Hà Nội, 2003. [11] Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X,XI,XII
2	QVNN502	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Học phần Ngoại ngữ (Tiếng Anh) là học phần trong chương trình đào tạo Thạc sĩ của tất cả các chuyên ngành, được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khóa đào tạo. Cung cấp cho học viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp cho học viên phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả.	Tài liệu bắt buộc [1] Mai Lan Hương, Nguyễn Thanh Loan (tái bản 2006), <i>Ngữ pháp Tiếng Anh</i> , NXB Đà Nẵng. [2] Jack C.Richards, Dịch và chú giải Nguyễn Minh Hải (2004), <i>Liten carefully</i> , NXB Giao thông Vận tải. Tài liệu tham khảo [3] live Oxenden, Christina Latham-Koenig, Paul Seligson, Lê Thúy Hiền (giới thiệu) (2009), <i>New -English File (Pre-Intermediate Student's Book and Workbook)</i> , NXB Khoa học Xã hội [4] Therese Naber - Angenla Blackwell with Michelle Johnstone, Lê Thúy Hiền giới thiệu (2010), NXB Văn hóa - Thông tin.
3	QVPP503	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	Môn học cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng căn bản trong NCKH chuyên ngành văn hóa. Thực nghiệm phương pháp và quy trình áp dụng vào đối tượng Văn hóa phi vật thể và văn hóa vật thể; Thực nghiệm một số phương pháp căn bản vào đối tượng văn hóa cụ thể. Thực hành bài nghiên cứu về văn hóa theo đối tượng học viên tự chọn để đánh giá kết quả cuối môn học.	Tài liệu bắt buộc: [1] 1.Ary, D. ; Jacobs, L ; Sorensen, C. ; Razavieh, A. (2010). Introduction to research in education (8th edition). Wadsworth, Cengage Learning. [2] Lindsay, D. (1995). A guide to scientific writing. Longman. [3] Maxwell, J.A. (1996). Qualitative research design. CA: SAGE. [4] 5.Newmark, J. (1992). Statistics and probability in modern life (5th ed.). Saunders College Publishing. [5] 6.Nguyễn Văn Lê (2001). Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB Trẻ. [6] 7.Ravid, R. (1994). Practical statistics for educators. University Press of America. 5.2.Tài liệu tham khảo [7] 1.Schumacher, S., McMillan, J.H. (1993). Research in education: A conceptual introduction (3rd ed.). Harper Collins College Publishers. [8] 2.Shavelson, R. (1988). Statitcal reasoning for the behavioral sciences (2nd ed.). Allyn and Bacon, INC. [9] 3.Vũ Cao Đàm (1999, 2005). Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB Khoa học & Kỹ thuật. [10] 4.Nguyễn Văn Minh (chủ biên, 2018, Viện HLKHN), Một số lý thuyết tộc người và cách tiếp cận ở Việt Nam

				[11] 5.Boas, Franz (1940). Race, Language, and Culture ISBN 978-0-226-06241-9
4	QVGL504	Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam	Học phần được thiết kế gồm 5 chuyên đề nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam, giới thiệu các lần giao lưu tiếp biến giữa văn hóa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới đã diễn ra trong lịch sử: (1) Giao lưu, tiếp biến, quy luật vận động và phát triển của văn hóa; (2) Giao lưu, tiếp biến văn hóa người Việt với văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ (3) Giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt Nam với văn hóa Phương Tây; (5) Giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt Nam với các nước trong giai đoạn hiện nay.	Tài liệu bắt buộc [1] <i>Đại Việt sử ký toàn thư</i> (tập 1,2) (2004), Nxb Văn hóa Thông tin. [2] Trần Xuân Sinh, <i>Việt sử kỷ yếu</i>, Nxb Hải Phòng. [3] Phạm Bá Khiêm (1013), <i>Đền Hùng và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. Tài liệu tham khảo [4] Bùi Quang Thanh (2008), <i>Văn hóa dân gian Việt Nam-Một cách tiếp cận</i>, Nxb Khoa học Xã Hội, Hà nội. [5] Thái Hoàng, Chu Quý, Ngô Văn Tuyền (biên dịch) (2005), <i>Bách khoa toàn thư tuổi trẻ Nhân loại - Xã hội</i>, Nxb Phụ nữ.
5	CSBB05	Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội	Nội dung của học phần gồm: Những kiến thức cơ bản về văn hoá, văn minh; Quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các nền văn hóa; Các giai đoạn phát triển của văn minh nhân loại; Những giá trị văn hóa, thành tựu văn minh của nhân loại qua các thời kỳ lịch sử; Về bước chuyển sang nền văn minh công nghiệp và văn minh thông tin; những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới và giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc...	Tài liệu bắt buộc: [1] Brian M, Fagan (2004), <i>70 bí ẩn lớn của thế giới cổ đại: Giải mã 70 bí ẩn lớn của các nền văn minh cổ</i>, Nxb Mỹ thuật. [2] Thế Trường, Đinh Ngọc Lân, Hoàng Minh Thảo (2007), <i>Almanach những nền văn minh thế giới</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. [3] Shirley Andrews, Đặng Trần Hạnh (dịch) (2007), <i>Almanach nền văn minh đầy bí ẩn đã biến mất</i>, Nxb Thế giới. [4] Nguyễn Văn Khang, Đặng Thị Hạnh (dịch) (1998), <i>Các nền văn minh vĩ đại trên thế giới</i>, Nxb Văn hóa. [5] Jacquetta Hawkes, Leonard Woolley ; Nguyễn Văn Thường (dịch) (2001), <i>Lịch sử văn minh nhân loại</i>- Trường viết văn Nguyễn Du: Văn hóa. Tài liệu tham khảo [6] Mortimer Chambers, Barbara Hanawalt, David Herlihy, Lưu Văn Hy (dịch) (2004), <i>Lịch sử văn minh phương Tây</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. [7] Lê Văn Siêu (2003), <i>Việt Nam văn minh sử - từ nguồn gốc đến thế kỷ X</i>, Nxb Lao động. [8] Phan Cẩm Thượng (2011), <i>Văn minh vật chất của người Việt</i>, Nxb Tri thức. [9] Trung tâm nghiên cứu quốc học Geetesh

				Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), <i>Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam</i> , Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
6	CSBB06	Tâm lý học quản lý	Học phần Tâm lý học quản lý cung cấp cho học viên những kiến thức về đặc điểm tâm lý của người quản lý như những phẩm chất, năng lực cần có của người cán bộ quản lý, nghiên cứu về vấn đề quyền lực trong quản lý, uy tín của người quản lý. Đồng thời học phần cũng nghiên cứu đặc điểm tâm lý của người lao động như: nhu cầu, động cơ lao động, hứng thú, tính cách của người lao động... Từ đó giúp nhà quản lý có thể hiểu được đặc điểm tâm lý của đối tượng mà mình quản lý. Giúp cho người quản lý tuyển dụng và sử dụng lao động đạt hiệu quả cao nhất.	Tài liệu bắt buộc: [1] Vũ Dũng (2006), <i>Giáo trình Tâm lý học quản lý</i>, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội. [2] Ngô Công Hoàn (1997), <i>Tâm lý học xã hội trong quản lý</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội. Tài liệu tham khảo: [3] Võ Thành Khôi (2005), <i>Tâm lý học lãnh đạo, quản lý</i>, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
7	QVMS507	Pháp luật văn hóa	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề: (1) Các vấn đề chung về pháp luật văn hóa; (2) Tổ chức triển khai các văn bản pháp luật văn hóa cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về pháp luật văn hóa Việt Nam: đặc điểm, các lĩnh vực văn hóa; ảnh hưởng của luật quốc tế về văn hóa đối với Việt Nam; cách thức tổ chức triển khai các văn bản pháp luật văn hóa trong thực tiễn quản lý hoạt động hiện nay.	Tài liệu bắt buộc: [1] Đoàn Văn Chúc (1993), <i>Những bài giảng về văn hóa: Nhân văn – xã hội học</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. [2] Hà Văn Tăng (2004), <i>Tài liệu nghiệp vụ văn hóa thông tin cơ sở</i>, Nxb Hà Nội. [3] Hoàng Sơn Cường (1998), <i>Lược sử Quản lý Văn hóa ở Việt Nam</i>, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. [4] Nguyễn Hữu Thức (2007), <i>Một số kinh nghiệm quản lý và hoạt động tư tưởng văn hóa</i>, Nxb Văn hóa-Thông tin. [5] Nguyễn Thị Thục (chủ biên), <i>Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa trong thời kỳ mới</i>, Nxb Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo [6] Nguyễn Tri Nguyên (2004), <i>Những bài giảng về quản lý văn hóa trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. [7] (1996), <i>Văn bản pháp quy về văn hóa – thông tin</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. [8] Quốc hội Việt Nam (2001), <i>Luật Di sản Văn hóa</i>

				[9] Quốc hội Việt Nam (2006), <i>Luật Điện ảnh</i> [10] Quốc hội Việt Nam (2012), <i>Luật Xuất bản</i> [11] Quốc hội Việt Nam (2012), <i>Luật Quảng cáo</i>. [12] Quốc hội Việt Nam (2006), <i>Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền</i> [13] Các văn bản quy pháp pháp luật về lĩnh vực văn hóa khác.
8	QVVH508	Văn hóa làng xã Việt Nam	Học phần được thiết kế gồm 3 chuyên đề, cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng nghiên cứu những đặc trưng văn hóa cơ bản của làng xã truyền thống Việt Nam và sự biến đổi của làng xã người Việt trên các phương diện trong quá trình lịch sử, vị trí và vai trò của văn hóa làng xã trong nền văn hóa Việt Nam.	Tài liệu bắt buộc: [1] Bùi Xuân Đính (2008), <i>Hành trình về làng Việt cổ</i>, Nxb Bách khoa. [2] Bùi Xuân Đính (1985), <i>Lệ làng phép nước</i>, Nxb Pháp lý. [3] Ban nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa (2002), <i>Tên làng xã Thanh Hóa</i>, Tập 2, Nxb Thanh Hóa. [4] Hà Mạnh Khoa (2009), <i>Làng nghề thủ công và làng khoa bảng thời kỳ phong kiến ở đồng bằng sông Mã</i>, Nxb Từ điển Bách khoa. [5] Hồ Đức Thọ (1999), <i>Lệ làng Việt Nam</i>, Nxb Hà Nội. [6] Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2007), <i>Làng Việt đối diện tương lai hội sinh quá khứ</i>, Nxb Đà Nẵng. [7] Nguyễn Quang Ngọc (2009), <i>Một số vấn đề làng xã Việt Nam</i>, Nxb Đại học Quốc gia. Tài liệu tham khảo [8] Nguyễn Văn Thảo (Chủ biên) (2010), <i>Nhà nước và Pháp luật</i>, Nxb Lao động Xã hội. [9] Thùy Trang (2009), <i>Văn hóa làng xã tín ngưỡng, tục lệ và hội làng</i>, Nxb Thời đại. [10] Trần Lâm Biền (2017), <i>Đình làng Việt (châu thổ Bắc Bộ)</i>, Nxb Hồng Đức. [11] Trần Diễm Thúy (2006), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, Nxb Văn hóa Thông tin.
8	QVVH509	Văn hóa tôn giáo Việt Nam	Học phần Văn hóa Tôn giáo nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức nâng cao về các tôn giáo ở Việt Nam và ảnh hưởng của nó đối với văn hóa truyền thống dân tộc. Giúp học viên có cái nhìn đúng đắn, khách quan, toàn diện về đạo các tôn giáo ở Việt Nam; những thành tựu và kết quả nổi bật trong quá trình tiếp xúc	Tài liệu bắt buộc: [1] Cục Văn hóa – Thông tin cơ sở (1999), <i>Tín ngưỡng Mê tín</i>, Nxb Thanh Niên. [2] Đào Duy Anh (2006), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. [3] Dương Văn Sáu (2014), <i>Hệ thống di tích Nho học Việt Nam và các văn miếu tiêu biểu ở Bắc Bộ</i>, Nxb Thông tin và Truyền thông. [4] Geetesh Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), <i>Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam</i>, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. [5] Giáo Hội phật giáo tỉnh Thanh Hóa (2017), <i>Hành trang chư tăng ni Thanh Hóa</i>,

			và giao lưu văn hóa Việt Nam với các tôn giáo du nhập.	tập 1, Nxb Thanh Hóa. [6] Giáo Hội phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa (2016), <i>Chùa xứ Thanh</i>, 4 tập, Nxb Thanh Hóa. [7] Giáo Hội phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa (2016), <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phật giáo tỉnh Thanh Hóa trong dòng chảy lịch sử dân tộc</i>, Nxb Thanh Hóa. [8] Giáo Hội phật giáo Việt Nam tỉnh Thanh Hóa (2017), <i>Tuyển tập văn bia Phật giáo Thanh Hóa</i> (tập 1) (Thời Hậu Lê-Nguyễn), Nxb Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo [9] Hoàng Minh Tường (2011), <i>Tìm hiểu Văn hóa và tín ngưỡng của đồng bào miền núi Thanh Hóa</i>, Nxb Thanh Hóa. [10] Lê Đình Phụng (2015), <i>Đối thoại với bền vững minh cổ Chăm Pa</i>, Nxb Khoa học Xã hội. [11] Lê Hồng Dương- Thượng tọa Thích Thọ Lạc (đồng chủ biên) (2010), <i>Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê trong công cuộc dựng nước và giữ nước</i>, Nxb Khoa học Xã hội. [12] Thích Tuệ Nhuận (dịch giả) (2011), <i>Kinh được sư</i>, Nxb Tôn giáo. [13] Toàn Ánh (2005), <i>Tín ngưỡng Việt Nam</i>, Nxb Trẻ
9	QVVH510	Văn hóa và phát triển	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề: -Chuyên đề 1: <i>Sự tương tác của Văn hóa - Kinh tế trong quá trình toàn cầu hóa</i>. Chuyên đề 1 tập trung giới thiệu 3 nội dung cơ bản: (1) Vị thế của văn hóa trong quá trình toàn cầu hóa, (2) Sự tác động của toàn cầu đến văn hóa trên bình diện kinh tế và công nghệ, (3) Những tương tác giữa kinh tế và văn hóa trong kinh tế thị trường và toàn cầu hóa. -Chuyên đề 2: <i>Vai trò của văn hóa trong phát triển</i>. Chuyên đề 2 có 3 nội dung: (1) Văn hóa là mục tiêu phát triển của con người, (2) Sự giao lưu và tiếp biến văn hóa, (3) Những vấn đề bảo tồn Văn hóa	Tài liệu bắt buộc [1] W.Scott Morton- C.M.Lewis (2008), <i>Lịch sử và văn hóa Trung Quốc</i>, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. [2] Trần Thị Minh Hòa (Chủ biên) (2014), <i>Du lịch Việt Nam thời kỳ đổi mới</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. [3] Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1997), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục. [4] Trần Lâm Biền (2013), <i>Một con đường tiếp cận lịch sử</i>, Nxb VHNT. [5] Trần Quốc Vượng (2016), <i>Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm</i>, Nxb Văn học. Tài liệu tham khảo [6] Thái Hoàng, Chu Quý, Ngô Văn Tuyền (Biên dịch) (2005), <i>Bách khoa toàn thư tuổi trẻ Nhân loại – Xã hội</i>, Nxb Phụ nữ, Hà Nội. [7] Phan Cẩm Thượng (2011), <i>Văn minh vật chất của người Việt</i>, Nxb Tri thức. [8] Phạm Đức Dương (2007), <i>Bức tranh ngôn ngữ-văn hóa tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. [9] Nguyễn Quang Lê (2011), <i>Nhận diện bản sắc văn hóa qua lễ hội truyền thống người Việt</i>, Nxb Khoa học Xã hội. [10] Huỳnh Công Bá (2012), <i>Lịch sử Văn hóa Việt Nam</i>, Nxb Thuận Hóa.

			truyền thống, Quốc gia, Dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Giúp học viên bổ sung kiến thức và phương pháp nghiên cứu vấn đề toàn cầu hóa, kỹ nguyên công nghệ thông tin và kỹ nguyên phát minh- sáng tạo ở thế kỷ 21; Nghiên cứu lý thuyết phát triển kinh tế của Adam Smit (1723-1790) và học thuyết 3 lần sóng văn minh của Alvin Toffler (1928) người Mỹ; Vấn đề hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế và tác động của nó đến văn hóa. Phương pháp tiếp cận là nghiên cứu thực trạng, diễn trình toàn cầu hóa từ 2000 đến nay, phân tích và dự báo đối với Việt Nam.	[11] Geetesh Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), <i>Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam</i>, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. [12] Đoàn Văn Chúc (1997), <i>Văn hóa học</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. [13] (2004) <i>Đại việt sử ký toàn thư</i> (tập 1, 2), Nxb Văn hóa Thông tin.
10	QVVH511	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề: (1) Tổng quan về khu vực Đông Nam Á với những vấn đề nổi bật như: Điều kiện tự nhiên; Quá trình hình thành và phát triển các quốc gia Đông Nam Á đến cơ tầng văn hóa Đông Nam Á. (2) Nghiên cứu cơ bản về văn hóa Việt Nam trong mối liên hệ với khu vực Đông Nam Á trên các phương diện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội... theo dòng đại và lịch đại	Tài liệu bắt buộc : [1] W.Scott Morton- C.M.Lewis (2008), <i>Lịch sử và văn hóa Trung Quốc</i>, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. [2] Trần Thị Minh Hòa (Chủ biên) (2014), <i>Du lịch Việt Nam thời kỳ đổi mới</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. [3] Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1997), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục. [4] Trần Lâm Biền (2013), <i>Một con đường tiếp cận lịch sử</i>, Nxb VHNT. [5] Trần Quốc Vượng (2016), <i>Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm</i>, Nxb Văn học. [6] Thái Hoàng, Chu Quý, Ngô Văn Tuyền (Biên dịch) (2005), <i>Bách khoa toàn thư tuổi trẻ Nhân loại – Xã hội</i>, Nxb Phụ nữ, Hà Nội. [7] Phan Cẩm Thượng (2011), <i>Văn minh vật chất của người Việt</i>, Nxb Tri thức. [8] Phạm Đức Dương (2007), <i>Bức tranh ngôn ngữ-văn hóa tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. [9] Phạm Đức Dương (2007), <i>Việt Nam – Đông Nam Á ngôn ngữ và văn hóa</i>, Nxb Giáo dục Tài liệu tham khảo [10] Nguyễn Quang Lê (2011), <i>Nhận diện bản sắc văn hóa qua lễ hội truyền thống người Việt</i>, Nxb Khoa học Xã hội.

				[11] Huỳnh Công Bá (2012), <i>Lịch sử Văn hóa Việt Nam</i>, Nxb Thuận Hóa. [12] Geetesh Sharma, Thích Trí Minh (dịch) (2012), <i>Những dấu vết văn hóa Ấn Độ tại Việt Nam</i>, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. [13] Đoàn Văn Chúc (1997), <i>Văn hóa học</i>, Nxb VHTT. [14] (2004) <i>Đại việt sử ký toàn thư</i> (tập 1, 2), Nxb VHTT. [15] Bùi Quang Thắng (2003), <i>Hành trình vào văn hóa học</i>, Nxb VHTT.
11	QLVH512	Lễ hội truyền thống	Học phần được thiết kế gồm 5 chuyên đề, cung cấp cho học viên các kiến thức về lễ hội truyền thống - một phương diện đặc sắc trong đời sống sinh hoạt và văn hóa tâm linh của dân tộc. Các chuyên đề tập trung vào các nội dung chính sau: - Khái quát về lễ hội truyền thống Việt Nam - Những phương diện nổi bật: đặc điểm, giá trị, chức năng và vai trò của lễ hội truyền thống. - Khảo sát một số lễ hội truyền thống ở các vùng miền trên cả nước	Tài liệu bắt buộc: [1] Nguyễn Quang Lê (2011), <i>Nhận diện bản sắc văn hóa qua lễ hội truyền thống người Việt</i>, Nxb Khoa học Xã hội. [2] Thu Huyền, Ái Phương (siêu tầm, tuyển chọn) (2011), <i>Tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa phong tục tập quán và lễ hội dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ</i>, Nxb Lao động [3] Đào Duy Anh (2006), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. [4] Hoàng Anh Nhân (2006), <i>Lễ tục, lễ hội truyền thống xứ Thanh</i>, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội. Tài liệu tham khảo [5] Nguyễn Chí Bền (2015), <i>Lễ hội cổ truyền của người Việt cấu trúc và thành tố</i>, Nxb Khoa học Xã hội. [6] Nguyễn Thị Thục (Chủ biên) (2016), <i>Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa thời kỳ đổi mới</i>, Nxb Thanh Hóa. [7] Phạm Bá Khiêm (Biên soạn và giới thiệu) (2013), <i>Đền Hùng và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. [8] Toan Ánh (2005), <i>Tín ngưỡng Việt Nam</i>, Nxb Trẻ. [9] Vũ Thị Mai Anh (2015), <i>Đời nay cung tiến, ngàn sau phụng thờ</i>, Nxb Thế giới
12	QVQL513	Quản lý truyền thông đại chúng	Học phần được thiết kế gồm 4 chuyên đề, cung cấp cho người học các kiến thức nâng cao về truyền thông đại chúng, vai trò và mối quan hệ của truyền thông đại chúng với xã hội; quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông đại chúng.	Tài liệu bắt buộc [1] Lê Thị Dung (2008), <i>Bài giảng hoạt động thông tin tuyên truyền tại cơ sở</i>, NXB Lao động xã hội. [2] Mai Thê Nhượng, Nguyễn Ngô Việt (2006), <i>Những vấn đề thiết yếu về Công nghệ viễn thông hiện đại</i>, Nhà xuất bản bưu điện. Tài liệu tham khảo [3] Hà Văn Tăng (2004), <i>Tài liệu nghiệp vụ Văn hóa – Thông tin cơ sở</i>, NXB Hà Nội.
13	QVQL514	Quản lý các thiết	04NQ/HNTW ban hành ngày 14-1-1993, Nghị	Tài liệu bắt buộc: [1] Cục Di sản văn hóa-Trường Đại học Văn

		chế văn hóa	quyết đã định hướng cụ thể cho một số nhiệm vụ Văn hóa Văn nghệ trong giai đoạn mới, trong đó có công tác tổ chức các hoạt động văn hóa và quản lý các thiết chế văn hóa. Nội dung trong định hướng chính trị của Đảng đối với văn hóa qua các kỳ đại hội nói trên đều nhằm mục đích căn bản là xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc Học phần thiết kế 4 chuyên đề, cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về, tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa và công tác quản lý, cũng như định hướng phát triển. Do vậy, học phần được thiết kế nội dung chương trình theo trục dọc về mặt tổ chức, quản lý của các thiết chế và trục ngang theo hoạt động của các thiết chế văn hóa.	hóa Thành phố Hồ Chí Minh – Bảo tàng chứng tích chiến tranh (2007), <i>Một số vấn đề về công tác kiểm kê hiện vật bảo tàng</i>, Kỷ yếu Hội thảo khoa học – thực tiễn, Thành phố Hồ Chí Minh. [2] Cục Di sản văn hóa-Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh – Bảo tàng chứng tích chiến tranh (2007), <i>Một số vấn đề về công tác kiểm kê hiện vật bảo tàng</i>, Kỷ yếu Hội thảo khoa học – thực tiễn, Thành phố Hồ Chí Minh. [3] Khoa Quản lý Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1999), <i>Tập đề cương bài giảng Khoa học Quản lý</i>, Hà Nội. [4] Nguyễn Thị Thục (Chủ biên) (2016), <i>Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa thời kỳ đổi mới</i>, Nxb Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo [5] Hà Văn Tăng (2004), <i>Tài liệu nghiệp vụ Văn hóa –Thông tin cơ sở</i> [6] Hoàng Sơn Cường (1998), <i>Lược sử Quản lý Văn hóa ở Việt Nam</i>
14	QVQL515	Quản lý thị trường văn hóa	Học phần được thiết kế gồm 3 chuyên đề, cung cấp cho học viên các kiến thức nâng cao về thị trường văn hóa, quản lý thị trường văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Phân tích rõ mối quan hệ tác động giữa văn hóa và kinh tế trong phát triển để thấy vai trò của thị trường văn hóa trong việc điều chỉnh các quan hệ kinh tế	Tài liệu bắt buộc: [1] PGS.TS.Nguyễn Thị Lan Thanh (2009), <i>Giáo trình Marketing văn hóa nghệ thuật</i>, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. [2] Cao Đức Hải, Lê Ngọc Thùy (2009), <i>Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội. Tài liệu tham khảo: [3] PGS.TS Mai Hải Oanh (2011), <i>Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay</i>, Nxb. Chính trị - Hành chính. [4] Nguyễn Tiệp (Chủ biên) (2011), <i>Giáo trình Chính sách xã hội</i>, Nxb Lao động- Xã hội.
15	QVPT	Phát triển chính sách văn hóa	Học phần được thiết kế gồm 3 chuyên đề cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan về nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa; Kinh nghiệm xây dựng	Tài liệu bắt buộc: [1] Lê Thị Hiền, Phạm Bích Huyền, Lương Hồng Quang, Nguyễn Lâm Tuấn Anh (2012), <i>Chính sách văn hóa</i>, Hà Nội. [2] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (9/2011), <i>Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao đẳng trong lĩnh vực</i>

			chính sách văn hóa của một số quốc gia trên thế giới và vấn đề phát triển, hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay.	<i>văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 – 2020 (tài liệu lưu hành nội bộ)</i>, Hà Nội. [3] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (8/2011), <i>Đề án xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020</i>, Hà Nội. [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), <i>Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (Hội nghị lần thứ ba, tư, năm, sáu, bảy và chín)</i>, Nxb Chính trị quốc gia. [5] Huỳnh Khái Vinh (1996), <i>Văn hóa văn nghệ vì sự phát triển xã hội</i>, Nxb Văn học. [6] Lê Ngọc Tòng (2004), <i>Một số nghiên cứu bước đầu về kinh tế học văn hóa</i>, Nxb Chính trị Quốc gia. [7] Lê Thị Lê (2016), <i>Sự phát triển các khu công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ - Thực trạng và giải pháp</i>, Nxb Chính trị Quốc gia.
17	QVPT517	Phát triển nguồn lực văn hóa	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề, cung cấp cho học viên những kiến thức: -Khái quát về nguồn lực gồm có khái niệm, đặc điểm, vai trò và nhận diện các nguồn lực văn hóa để từ đó có phương pháp trong việc sử dụng nguồn lực cho các hoạt động cụ thể. -Có khả năng phát triển các nguồn lực văn hóa trong thời kỳ hội nhập hiện nay, đáp ứng yêu cầu phát triển chung và phát triển văn hóa.	Tài liệu bắt buộc: [1] Lê Thị Hiền, Phạm Bích Huyền, Lương Hồng Quang, Nguyễn Lâm Tuấn Anh (2012), <i>Chính sách văn hóa</i>, Hà Nội. [2] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (9/2011), <i>Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao đẳng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 – 2020 (tài liệu lưu hành nội bộ)</i>, Hà Nội. [3] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (8/2011), <i>Đề án xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020</i>, Hà Nội. [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), <i>Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (Hội nghị lần thứ ba, tư, năm, sáu, bảy và chín)</i>, Nxb Chính trị quốc gia. [5] Huỳnh Khái Vinh (1996), <i>Văn hóa văn nghệ vì sự phát triển xã hội</i>, Nxb Văn học. [6] Lê Ngọc Tòng (2004), <i>Một số nghiên cứu bước đầu về kinh tế học văn hóa</i>, Nxb Chính trị Quốc gia. Tài liệu tham khảo [7] Lê Văn Tạo (2011), <i>Di sản văn hóa – Nguồn lực đặc biệt cho phát triển du lịch Thanh Hóa</i>, Nxb Thế giới. [8] Nguyễn Văn Tình (2009), <i>Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. [9] Nguyễn Văn Lưu (2014), <i>Phát triển nguồn nhân lực – yếu tố quyết định sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam</i>, Nxb Thông tấn. [10] Nguyễn Tiệp (Chủ biên) (2011), <i>Giáo trình Chính sách xã hội</i>, Nxb Lao động- Xã

				hội. [11] <i>Các ngành công nghiệp văn hóa-Tâm điểm của văn hóa trong lai</i>. UNESCO. Website:http://portal.unesco.org/culture/en/ev. [12] Văn Lưu (2014), <i>Phát triển nguồn nhân lực – yếu tố quyết định sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam</i>, Nxb Thông tấn.
19	QVQL 518	Quản lý Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam Sông Hồng	Học phần được thiết kế gồm 3 chuyên đề cung cấp cho học viên những kiến thức chung về Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng từ khái niệm, đặc trưng, tiêu chí phân loại Di sản Văn hóa. Phân tích, đánh giá vai trò của Di sản Văn hóa trong sự phát triển kinh tế-xã hội của vùng. Khảo sát và mô tả khái quát, đánh giá hệ thống Di sản Văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam Sông Hồng để thấy rõ những giá trị nổi bật. Phân tích những quan điểm về chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam và vấn đề áp dụng trong quản lý, phát huy giá trị đối với hệ thống Di sản Văn hóa của vùng.	Tài liệu bắt buộc: [1] (2004), <i>Đại việt sử ký toàn thư</i> (tập 1, 2), Nxb Văn hóa Thông tin. [2] (2005), <i>Luật Di sản Văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành</i>, Nxb Chính trị Quốc gia. [3] Cục Di sản văn Hóa (2012), <i>Tuyển tập văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động bảo tàng</i>, Nxb Xây dựng, Hà Nội. [4] Lê Hồng Lý (chủ biên) (2010), <i>Giáo trình quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. [5] Nguyễn Thị Thục (2016), <i>Di sản văn hóa vùng Hàm Rồng ở Thanh Hóa</i>, Nxb Khoa học Xã hội. [6] Nguyễn Thị Kim Loan (Chủ biên) (2014), <i>Quản lý Di sản Văn hóa</i>, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa Tài liệu tham khảo [7] Cục Di sản văn hóa (2006), <i>Một con đường tiếp cận di sản văn hóa</i>, Nxb Thế giới, Hà Nội. [8] Cục Di sản Văn hóa (2008), <i>Một con đường tiếp cận di sản văn hóa</i> (tập 4), Nxb Thế giới. [9] Cục Di sản văn hóa (2007), <i>Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể (tập 1)</i>, Nxb Thế giới, Hà Nội. [10] Cục Di sản văn hóa (2012), <i>Một con đường tiếp cận di sản văn hóa</i> (tập 6), Nxb Xây dựng. [11] Cục Di sản văn hóa (2014), <i>Một con đường tiếp cận di sản văn hóa</i> (tập 7), Nxb Thế giới, Hà Nội. [12] Hoàng Đạo Kính (2002), <i>Di sản văn hóa bảo tồn và trùng tu</i>, Nxb Văn hóa Thông tin.
20	QVNT 519	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề: - Chuyên đề 1: Mỹ thuật truyền thống Việt Nam (Vietnamese traditional Fine Art). Chuyên đề 1 3 nội dung cơ bản: Kiến trúc truyền thống Việt Nam; Điêu khắc và Hội họa	.Tài liệu bắt buộc: [1] Đỗ Văn Khang (2004), <i>Nghệ thuật học</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội. [2] Vũ Ngọc Khánh (2004), <i>Truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số (tập 1) – Những chuyện địa danh con người, huyện thoại và giai thoại</i>. [3] Đinh Khắc Thuận (2006), <i>Tục lệ cổ truyền làng, xã Việt Nam</i>. [4] (2005), <i>Lịch sử một thế kỷ nghiên cứu</i>

		truyền thống Việt Nam; Mỹ thuật Chăm-pa, Tây Nguyên. Với phương pháp tiếp cận là Nghệ thuật học, do vậy, các vấn đề trên sẽ được tập trung giới thiệu, phân tích về hình loại và giá trị mỹ thuật truyền thống Việt Nam theo các thể loại, phong cách, tác phẩm, trên nền diễn trình lịch sử các thời kỳ. Đồng thời phân tích giá trị xã hội của mỹ thuật truyền thống Việt Nam. Giúp học viên bổ sung kiến thức và phương pháp nghiên cứu mỹ thuật truyền thống Việt Nam. - Chuyên đề 2: Nghệ thuật Biểu diễn truyền thống Việt Nam (Vietnamese traditional Performing Art). Chuyên đề 2 có 3 cơ bản: Nghệ thuật Biểu diễn cổ truyền vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng; Nghệ thuật biểu diễn cổ truyền vùng Trung Bộ; Nghệ thuật biểu diễn Nam Bộ. Với phương pháp tiếp cận là Nghệ thuật học, các nội dung sẽ được giới thiệu, phân tích về hình loại và giá trị nghệ thuật Biểu diễn truyền thống Việt Nam theo các thể loại, phong cách, tác phẩm, trên nền diễn trình lịch sử các thời kỳ. Đồng thời phân tích giá trị xã hội của nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam. Giúp học viên bổ sung kiến thức và phương pháp nghiên cứu nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam.	<i>Viện Viễn đông bác cổ Pháp tại Việt Nam</i>, Nxb Tri thức. [5] Đỗ Văn Khang (2004), <i>Nghệ thuật học</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội. Tài liệu tham khảo [6] Hoàng Đạo Kính (2002), <i>Di sản văn hóa bảo tồn và trùng tu</i>, Nxb Văn hóa Thông tin. [7] Trần Lâm Biền (2008), <i>Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt vùng châu thổ sông Hồng</i>, Nxb VHTT. [8] Trần Mạnh Thường (chủ biên) (1998), Bùi Xuân Mỹ, Phạm Thanh Huyền(1998), <i>Đình chùa, lăng tẩm nổi tiếng Việt Nam</i>, NXB Văn hoá thông tin
--	--	---	--

20	QVVH 526	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề, cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về kế hoạch, chiến lược văn hóa; tầm quan trọng của kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa trong giai đoạn hiện nay.	Tài liệu bắt buộc: [1] PGS.TS.Nguyễn Thị Lan Thanh (2009), <i>Giáo trình Marketing văn hóa nghệ thuật</i>, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. [2] Cao Đức Hải, Lê Ngọc Thủy (2009), <i>Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội. [3] PGS.TS Mai Hải Oanh (2011), <i>Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay</i>, Nxb. Chính trị - Hành chính. [4] Học viện hành chính Quốc gia (2007), <i>Quản lý Nhà nước đối với ngành, lĩnh vực</i>, Nxb Khoa học và Kỹ thuật. [5] Học viện Chính trị Quốc gia (2016), <i>Quản lý kinh tế</i>, Nxb Lý luận Chính trị. [6] Học viện Chính trị Quốc gia (2016), <i>Khoa học Lãnh đạo</i>, Nxb Lý luận Chính trị. Tài liệu tham khảo [7] <i>Các ngành công nghiệp văn hóa-Tâm điểm của văn hóa trong lai</i>. UNESCO. Website:http://portal.unesco.org/culture/en/ev. [8] Nguyễn Văn Lưu (2014), <i>Phát triển nguồn nhân lực – yếu tố quyết định sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam</i>, Nxb Thông tấn. [9] Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (đồng chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Quản lý học</i>, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.
21	QVGQ 520	Gây quỹ cho các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật	Là một học phần có nội dung khá mới mẻ ở Việt Nam, giáo trình và tài liệu giảng dạy tương đối ít ỏi, hạn chế. Đề biên soạn bài giảng cho phù hợp với ngành Quản lý Văn hóa trình độ thạc sĩ giảng viên cần phải sử dụng kết quả nghiên cứu thực tiễn, thâm nhập thực tế về công tác xã hội hóa tổ chức hoạt động văn hóa, xã hội hóa biểu diễn nghệ thuật, công tác gây quỹ, ủng hộ, từ thiện trong các lĩnh vực liên quan đến văn hóa và nghệ thuật. Học phần được thiết kế 3 chuyên đề, tập trung vào các nội dung cơ bản	Tài liệu bắt buộc: [1] Nguyễn Thị Anh Quyên, Ngô Ánh Hồng, Đỗ Thị Thanh Thủy (2009), <i>Giáo trình gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hóa-nghệ thuật</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội. [2] PGS.TS Mai Hải Oanh (2011), <i>Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay</i>, Nxb. Chính trị - Hành chính. [3] Đỗ Văn Khang (2004), <i>Nghệ thuật học</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội Tài liệu tham khảo [4] Cục Di sản văn hóa (2006), <i>Một con đường tiếp cận di sản văn hóa</i>, Nxb Thế giới, Hà Nội. [5] Đặng Mỹ Hạnh (2015), <i>Giáo dục nghệ thuật cho bộ đội hiện nay qua ca khúc về bộ đội cụ Hồ</i>, Nxb Quân đội Nhân dân.

			sau: - Lý thuyết về gây quỹ và tìm tài trợ - Các loại hình gây quỹ và các nguồn tài trợ - Một số kỹ năng và nguyên tắc gây quỹ và tìm tài trợ - Quy trình gây quỹ và tìm tài trợ - Một số hình thức gây quỹ và tìm tài trợ	
22	QVVH 521	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: - Lý luận chung về văn hóa ẩm thực: các khái niệm cơ bản; những nhân tố ảnh hưởng đến văn hóa ẩm thực; mối quan hệ của ẩm thực đến sức khỏe, văn hóa và du lịch. - Đặc trưng văn hóa ẩm thực Việt Nam (có so sánh, đối chiếu với văn hóa ẩm thực thế giới). - Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam (có so sánh, đối chiếu với nghệ thuật ẩm thực thế giới). - Đặc trưng văn hóa ẩm thực vùng miền Việt Nam (có so sánh với các vùng miền, quốc gia khác). - Quản lý hoạt động kinh doanh ăn uống và quảng bá văn hóa ẩm thực Việt Nam.	Tài liệu bắt buộc: [1] Hoàng Minh Khang (2011), <i>Giáo trình văn hóa ẩm thực</i>, Nxb Lao động, Hà Nội. [2] Phạm Lan Oanh – Nguyễn Thành Tuấn (2014), <i>Phát huy vốn văn hóa dân gian trong phát triển du lịch Cao Bằng</i>, Nxb Chính trị Quốc gia. [3] Thu Huyền, Ái Phương (siêu tâm, tuyển chọn) (2011), <i>Tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa phong tục tập quán và lễ hội dân tộc Việt Nam, văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ</i>, Nxb Lao động. Tài liệu tham khảo [4] Hoàng Hương (2002), <i>Những món ngon Việt Nam</i>, Nxb Đà Nẵng. [5] Huỳnh Văn Nguyệt (2016), <i>Văn hóa ẩm thực đồng bằng sông Cửu Long</i>, Nxb Mỹ thuật. [6] Lý Khắc Cung (2004), <i>Văn vật- Ẩm thực đất Thăng Long</i>, Nxb Văn hóa Dân tộc.
23	QVQL 522	Di sản văn hóa và du lịch	Di sản văn hóa là một bộ phận quan trọng trong hệ thống các giá trị văn hóa của mỗi quốc gia. Nó kết tinh toàn bộ đời sống tinh thần, tư tưởng, phản ánh quá trình xây dựng và phát triển của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Mỗi di sản văn hóa ẩn chứa nhiều giá trị lịch sử, văn	Tài liệu bắt buộc: [1] Trần Lâm Biền (1996), <i>Chùa Việt</i>, Nxb.VHTT, Hà Nội. [2] Bùi Thị Hải Yến (chủ biên) (2013) , <i>Quy hoạch du lịch</i>, Nxb Giáo dục. [3] Bùi Thị Hải Yến (chủ biên), (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i>, Nxb Giáo dục. [4] Bùi Thị Hải Yến (2014), <i>Tuyển điểm du lịch Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục. [5] Dương Văn Sáu (2008) <i>Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội (tr.1-59, tr.67-89).

			hoá và tư tưởng của mỗi cộng đồng tộc người, quốc gia. Đảng nhà nước ta luôn trân trọng và yêu quý và giữ gìn, khai thác phát huy giá trị hệ thống di sản văn hóa của dân tộc. Nhìn từ nhiều góc độ khác nhau chúng ta thấy; - Dưới góc độ lịch sử, hệ thống di sản văn hóa vật thể là những nguồn sử liệu chứng thực nhất chân xác nhất khẳng định tiến trình phát triển của đất nước. - Dưới góc độ văn hóa học hệ thống di sản văn hóa là cơ sở chứng minh tiến trình phát triển của văn hóa mỗi dân tộc, là bản sắc văn hóa. Bản sắc văn hóa chính là thể căn cước của mỗi quốc gia. - Dưới góc độ giáo dục học, hệ thống di sản văn hóa dân tộc đã góp phần không nhỏ trong giáo dục truyền thống, giáo dục đạo đức cho liên thế hệ. - Dưới góc độ du lịch di sản văn hóa là tài nguyên du lịch để xây dựng các sản phẩm du lịch tạo nên những nét độc đáo, riêng biệt hấp dẫn du khách của mỗi quốc gia. Vì vậy nội dung và thời lượng học phần; Di sản văn hóa và du lịch được thiết kế gồm 2 chuyên đề. Chuyên đề 1: Mối quan hệ đặc biệt giữa di sản văn hóa và du lịch Chuyên đề 2: Quy trình khai thác di sản văn hóa trong hoạt động du lịch	Tài liệu tham khảo [6] Lê Thị Tuyết Mai (2013), <i>Du lịch di tích lịch sử văn hóa</i>, Nxb Lao động, [7] Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2014), <i>Địa lý du lịch Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục. [8] Trần Thúy Anh (2014), <i>Giáo trình du lịch văn hóa</i>, Nxb Giáo dục. [9] Trịnh Xuân Dũng (2004), <i>Giáo trình tâm lý du lịch</i>, Nxb Văn hóa-Thông tin. [10] Dương Văn Sáu (2004), <i>Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch</i>, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
24	QVVH 524	Văn hóa nông	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề, cung	Tài liệu bắt buộc: [1] Bùi Xuân Đính (2008), <i>Hành trình về</i>

	thôn Việt Nam	cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về văn hóa nông thôn và văn hóa nông thôn Việt Nam trong cái nhìn so sánh với đô thị, văn hóa dân tộc và những xu hướng biến đổi theo thời gian.	<i>làng Việt cổ</i>, Nxb Bách khoa Bùi Xuân Đỉnh (1998), <i>Hương ước và quản lý làng xã</i>, Nxb.KHXH, Hà Nội. [2] Bùi Xuân Đỉnh (1985), <i>Lệ làng phép nước</i>, Nxb Pháp lý. [3] Hồ Đức Thọ (1999), <i>Lệ làng Việt Nam</i>, Nxb Hà Nội. Tài liệu tham khảo Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2007), <i>Làng Việt đối diện tương lai hồi sinh quá khứ</i>, Nxb Đà Nẵng.
--	---------------	--	--

6.3.Trình tự nội dung Chương trình dạy học

Học kỳ	Nội dung thực hiện	Số tín chỉ
Học kỳ 1 (05 học phần, 15 tín chỉ)	-2 học phần phần kiến thức chung (7 tín chỉ) + Triết học + Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu) -3 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành (8 tín chỉ) + Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa xã hội + Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội + Tâm lý học quản lý	4 3 3 3 2
Học kỳ 2 (06 học phần, 16 tín chỉ)	-1 học phần bắt buộc khối kiến thức cơ sở ngành (3 tín chỉ) + Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam -2 học phần tự chọn khối kiến thức cơ sở ngành (4 tín chỉ) -3 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (9 tín chỉ) + Lễ hội truyền thống + Quản lý các thiết chế văn hóa + Quản lý Di sản văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam Sông Hồng	3 4 3 3 3
Học kỳ 3 (07 học phần, 16 tín chỉ)	-4 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (10 tín chỉ) + Quản lý truyền thông đại chúng + Phát triển chính sách văn hóa + Phát triển nguồn lực văn hóa + Quản lý thị trường văn hóa -3 học phần tự chọn khối kiến thức chuyên ngành (6 tín chỉ) -Bảo vệ đề cương luận văn thạc sĩ	2 3 2 3 6
Học kỳ 4	-Nghiên cứu hoạt động thực tế -Viết và bảo vệ luận văn thạc sĩ	6 10

6.4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức chung	Kiến thức CSN		Kiến thức chuyên ngành		Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12
I. Kiến thức chung												
Triết học	3	3	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu)	3	2	0	0	0	0	2	0	2	3	3	0
II. Kiến thức cơ sở ngành												
II.1. Bắt buộc												
Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	2	2	2	3	3	3	0	2	3	0	2	3
Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam	2	2	2	3	3	3	0	0	3	0	2	3
Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội	2	3	3	3	2	0	3	0	0	0	2	3
Tâm lý học quản lý	2	2	2	0	1	0	0	0	2	0	3	3
II.2. Tự chọn												
Pháp luật Văn hóa	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	2	3

Văn hóa làng xã Việt Nam	1	0	1	2	2	0	2	2	0	0	2	3
Văn hóa tôn giáo Việt Nam	2	0	1	2	2	0	0	0	0	0	0	1
Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	2	3
III. Kiến thức chuyên ngành												
III.1. Bắt buộc												
Lễ hội truyền thống	1	2	0	3	3	3	3	0	2	0	2	0
Quản lý truyền thông đại chúng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3
Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao	2	2	0	3	3	3	3	2	2	0	2	0
Quản lý thị trường văn hóa	2	3	3	3	3	3	2	2	2	0	3	3
Phát triển chính sách văn hóa	2	2	3	3	3	3	2	2	0	0	2	0
Quản lý nguồn lực văn hóa	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3
Quản lý Di sản văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam Sông Hồng	0	0	1	2	0	1	2	2	0	0	3	3
III.2. Tự chọn												
Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	0	0	0	1	0	0	1	1	0	0	3	3
Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa	2	2	3	3	0	3	2	0	0	0	3	3
Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật	2	2	3	3	3	2	0	0	1	0	3	3
Văn hóa ẩm thực Việt Nam	1	1	2	0	2	0	0	0	2	0	3	3
Văn hóa nông thôn Việt Nam	1	2	2	1	2	0	0	0	0	0	3	1

IV. Nghiên cứu hoạt động thực tế	0	0	1	2	2	3	3	3	2	0	3	3
V. Luận văn	0	0	1	1	1	2	2	2	2	0	3	3

Ghi chú: 0- không đóng góp; 1- Đóng góp thấp; 2- Đóng góp trung bình; 3- Đóng góp cao 3

